

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TP.BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 34/2025/HNGĐ – ST

Ngày 28/3/2025.

V/v: Xin ly hôn, con chung

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH BUÔN MA THUẬT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Kam Ênuôl

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Thống

2. Ông Hoàng Việt Thống

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Linh – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 912/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXX – HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12/3/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn G, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn G, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Nguyên đơn anh Nguyễn Văn D trình bày: Tôi và bà Nguyễn Thị K có chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B vào ngày 20/12/2017, trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, dẫn đến hôn nhân hai vợ chồng

không hạnh phúc. Hiện nay hai vợ chồng tôi đã sống ly thân mà không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình, bản thân chúng tôi không còn tình cảm với nhau, do đó không thể tiếp tục duy trì được mối quan hệ hôn nhân. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột cho tôi được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kiều .

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống chúng tôi có 02 con chung tên là:

1. Cháu Nguyễn Văn D1, sinh ngày 04/4/2018;

2. Cháu Nguyễn Văn K1, sinh ngày 17/4/2020.

Sau khi ly thân cả hai cháu đều do tôi trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, nên sau khi ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả 02 cháu đến tuổi trưởng thành.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Không yêu cầu chị Nguyễn Thị K cấp dưỡng tiền nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn bà Nguyễn Thị K mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thẩm phán chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng như phía đương sự chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220, Khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn D.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Cho ông Nguyễn Văn D được ly hôn với bà Nguyễn Thị K .

- *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Văn D1, sinh ngày 04/4/2018 và cháu Nguyễn Văn K1, sinh ngày 17/4/2020 cho ông Nguyễn Văn D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà Nguyễn Thị K được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai có quyền được cản trở.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung*: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về

hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án xét thấy bị đơn – bà Nguyễn Thị K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để hòa giải nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn bà Nguyễn Thị K tại phiên tòa: Bà K đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và vắng mặt lần 2 tại phiên tòa không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị K.

[3]. Về nội dung: Giữa ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị K có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 20/12/2017 đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn D xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì được mối quan hệ hôn nhân và yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị K .

3.1. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa ông D và bà K đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, quá trình làm việc với Tòa án ông D đều có xác nhận trong quá trình chung sống với nhau hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau một thời gian dài mà không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương nơi đương sự cư trú thì thấy rằng: Trong cuộc sống hằng ngày giữa ông D và bà K có phát sinh mâu thuẫn, nhưng nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm rõ. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn D đối với bà Nguyễn Thị K là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

3.2. Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau giữa ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị K có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn D1, sinh ngày 04/4/2018 và cháu Nguyễn Văn K1, sinh ngày 17/4/2020. Nguyên vọng của ông D sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cả 02 cháu đến tuổi trưởng thành. Ngoài ra, sau khi ly thân cho đến nay cả 02 cháu đều do ông Nguyễn Văn D là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển bình thường, tránh ảnh hưởng đến tâm lý cho các cháu, nên cần giao cháu Nguyễn Văn D1, sinh ngày 04/4/2018 và cháu Nguyễn Văn K1, sinh ngày 17/4/2020 cho ông Nguyễn Văn D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Bà Nguyễn Thị K được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai có quyền được cản trở.

3.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Văn D không yêu cầu bà Nguyễn Thị K phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3.4. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Ông Nguyễn Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm mà ông Nguyễn Văn D đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0012754 ngày 14/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220, khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014;

Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn D.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Văn D được ly hôn với bà Nguyễn Thị K .

1.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn D1, sinh ngày 04/4/2018 và cháu Nguyễn Văn K1, sinh ngày 17/4/2020 cho ông Nguyễn Văn D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Bà Nguyễn Thị K được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai có quyền được cản trở.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm mà ông Nguyễn Văn D đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0012754 ngày 14/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- Các đương sự;
-;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Y Kam Ênuôl